

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HS-ST

Ngày 13-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé, giáo viên Trường Trung cấp nghề Củ Chi.
2. Ông Lê Văn Rồi, Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Như Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 258/2021/TLST-HS ngày 28/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 15/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/HSST-QĐ ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/HSST-QĐ ngày 23/3/2022 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh ngày 09/8/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 555 Đường N, Tổ 17, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 2/12; con ông Phạm C và bà Thạch Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 26/02/2021; bị cáo có mặt.

Bị hại:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1987 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 60 Đường 64, Tổ 14, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Võ Thị T, sinh năm 1987 là cha, mẹ của cháu Nguyễn Thị Huyền T (sinh ngày 06/02/2006).

Cùng địa chỉ: Số 60 Đường 64, Tổ 14, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trương Anh T, sinh năm 1982 là Chủ hộ kinh doanh Chín Thành.

Địa chỉ: Số 1/27 ấp Nhị Tân 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Thạch Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 555 Đường N, Tổ 17, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Đức T và Nguyễn Thị Huyền T (sinh ngày 06/02/2006) quen biết nhau trên mạng xã hội Facebook và có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/11/2020, bị cáo T và T bàn bạc cùng nhau chiếm đoạt tài sản là xe Honda Blade biển số 59Y2-827.01 của gia đình T đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T và T hẹn nhau lúc 20 giờ 00 phút cùng ngày, gặp nhau tại bãi đất trống thuộc ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để mang tài sản chiếm đoạt được đi cầm cố. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi T chở bà Võ Thị T (mẹ của T) về nhà, T nói dối bà T mượn xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Y2-827.01 đi mua chè nên bà T đã giao xe cho T. T điều khiển xe đến địa điểm đã hẹn gặp bị cáo T đang chờ. Bị cáo T điều khiển xe máy Exciter biển số 59Y2-812.82, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Y2-827.01 đến tiệm cầm đồ Duy Phát, do bà Nguyễn Thị Thanh T làm chủ, cầm cố chiếc xe Honda Blade được 6.000.000 (sáu triệu) đồng rồi cùng nhau tiêu xài hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 115/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Y2-827.01 có giá trị 13.000.000 đồng (mười ba triệu) đồng.

Ngoài ra, bị cáo T và T còn bàn bạc lấy trộm tài sản của gia đình T bán lấy tiền tiêu xài. Cả hai đã cùng thực hiện 05 (năm) vụ lén lút lấy tài sản của bà T, ông T (cha mẹ ruột của T), địa chỉ: Số 60 Đường 64, Tổ 14, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào đầu tháng 10/2020 (không nhớ rõ ngày), bị cáo T điều khiển xe máy biển số: 59Y2-812.82 chở T đi đến nhà bà T. T vào nhà lấy trộm 10.000.000 (mười triệu) đồng của bà T và cùng bị cáo T tiêu xài hết.

Vụ 2: Ngày 19/10/2020, bị cáo T điều khiển xe máy biển số: 59Y2-812.82 chở T đi đến nhà bà T, ông T. Cả hai lấy trộm 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Y2-827.01 và đem đi cầm được 7.000.000 (bảy triệu) đồng, rồi tiêu xài hết. Tuy nhiên, mẹ bị cáo T đã chuộc xe này về trả lại cho bà T nên bà T không yêu cầu xử lý.

Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 02/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Y2-827.01 có giá trị 13.000.000 đồng (mười ba triệu) đồng.

Vụ 3: Cuối tháng 10/2020 (không nhớ rõ ngày), bị cáo T điều khiển xe máy biển số: 59Y2-812.82 chở T đi đến nhà bà T. T vào nhà lấy trộm 01 (một) chiếc xe đạp

điện nhãn hiệu Aska màu xanh dương của bà T. Cả hai đem xe đạp điện đi bán cho 01 người (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 (hai triệu) đồng và cùng nhau tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Aska màu xanh dương có giá trị là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Vụ 4: Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 12/01/2021, bị cáo T điều khiển xe máy Exciter biển số: 59Y2-812.82 chở T đi đến nhà bà T. Cả hai lấy trộm 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A92. Sau đó, T và bị cáo T đem bán lại cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) gần khu vực Ngã tư An Sương với giá 2.000.000 (hai triệu) đồng và tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Điện thoại di động hiệu Oppo A92 có giá trị 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Vụ 5: Vào lúc 04 giờ 00 phút ngày 14/01/2021, bị cáo T điều khiển xe biển số: 59Y2-812.82 chở T đi đến nhà bà T. Cả hai lấy trộm 01 (một) xe máy Wave biển số 59Y3-597.47. Sau đó, T và bị cáo T đem cầm cố tại Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Chín Thành do ông Trương Anh T làm chủ, địa chỉ: 1/27, ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 10.000.000 (mười triệu) đồng và cùng nhau tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 23/2/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe máy Wave biển số 59Y3-597.47 có giá trị là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Vật chứng:

- 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha loại Exciter biển số: 59Y2-812.82.
- 01 xe gắn máy hiệu Wave biển số 59Y3-597.47 màu đen bạc (Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Phương T).

Về dân sự: Tại Cơ quan điều tra, ông Trương Anh T (chủ tiệm cầm đồ Chín Thành) yêu cầu bị cáo T bồi thường 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bà Võ Thị T yêu cầu bị cáo T bồi thường 26.500.000 (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Thạch Thị L xin nhận lại chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha loại Exciter biển số: 59Y2-812.82, Số khung: RLCU0610FY173823; Số máy: G3D4E186730.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 09/CT-VKS.CC ngày 23/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố đã đưa ra chứng cứ để buộc tội bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T phạm tội trộm cắp 05 (năm) lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của

Bộ luật Hình sự. Song song đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có công việc và thu nhập theo thời vụ; tài sản chiếm đoạt được bị cáo cùng với T tiêu xài cá nhân hết; bị cáo không lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên bị cáo phạm tội không mang tính chất chuyên nghiệp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của hai tội.

Đối với Nguyễn Thị Huyền T có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng do T là người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi; tội phạm đã thực hiện là ít nghiêm trọng, nên T không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không khởi tố T về hai tội danh nêu trên là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Thanh T và Trương Anh T không biết tài sản bị cáo T mang cầm cố là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không xử lý là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha loại Exciter biển số: 59Y2-812.82, Số khung: RLCU0610FY173823; Số máy: G3D4E186730 do bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1979 đứng tên trên Giấy đăng ký một tô, xe máy. Bà C khai nhận đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng vào tháng 3/2016. Bà Thạch Thị L (mẹ bị cáo T) khai nhận đã mua chiếc xe này của một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nhưng không lập hợp đồng mua bán, không có tài liệu nào chứng minh việc mua bán xe. Bị cáo T khai nhận dùng chiếc xe này vào việc phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo T khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố, không bào chữa gì và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Võ Thị T xác định tài sản thiệt hại thực tế tổng cộng là 31.500.000 (ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng. Qua phần xét hỏi tại phiên tòa, bà thấy là mẹ của T nên có trách nhiệm với phần T cùng bị cáo T gây thiệt hại. Do đó, bà chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại với số tiền 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Đồng thời bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa đổi bản thân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Anh T có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị hại, biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ... Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bị cáo T và T có quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 7/2020. Vào ngày 06/11/2020, bị cáo T và T đã bàn bạc chiếm đoạt tài sản của gia đình T với mục đích tiêu xài cá nhân. Theo đó, T về nhà nói dối với mẹ là bà T mượn 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 59Y2-827.01 có giá trị qua định giá là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng, rồi cùng bị cáo T mang đi cầm cố được 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tiêu xài hết. Ngoài ra, T và bị cáo T còn thực hiện 05 vụ lén lút lấy trộm tài sản của gia đình T với tổng giá trị là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng như Cáo trạng đã phản ánh.

[3] Bị cáo T là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác và hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và phải chịu trách nhiệm hình sự. Song, chỉ để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi cùng T lén lút lấy tài sản của bà T 05 (năm) lần với tổng giá trị tài sản qua định giá là 46.500.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo đã cùng T có ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình T để tiêu xài cá nhân. Bị cáo bàn bạc với T về nhà nói dối bà T mượn chiếc xe hiệu Honda AirBlade biển số 59Y2-827.01 đi mua chè, làm cho bà T tin đó là thật và giao chiếc xe (có giá trị qua định giá là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng) cho T. Sau đó bị cáo cùng T chiếm đoạt mang đi cầm cố lấy 6.000.000 (sáu triệu) đồng tiêu xài hết. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về các tội danh và điều luật nêu trên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải

xử lý bằng luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình, cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[5] Bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 05 (năm) lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 05 (năm) lần, nhưng bị cáo có công việc và thu nhập khác theo thời vụ; số tiền chiếm đoạt được bị cáo và T tiêu xài hết. Bị cáo không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội mang tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Thị Huyền T có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng do khi thực hiện tội phạm, T mới 14 tuổi 08 tháng; tội phạm đã thực hiện là ít nghiêm trọng, nên T không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không khởi tố T về hai tội phạm nêu trên là phù hợp.

[8] Bị hại Võ Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường phần tài sản bị thiệt hại tổng cộng là 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Anh T có đơn xin vắng mặt, không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xử lý vật chứng đang lưu giữ: Đối với 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha loại Exciter biển số: 59Y2-812.82, Số khung: RLCU0610FY173823; Số máy: G3D4E186730 do bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1979 đứng tên trên Giấy đăng ký một tô, xe máy. Bà C khai nhận đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng vào tháng 3/2016. Bà Thạch Thị L (mẹ bị cáo T) khai nhận đã mua chiếc xe này của một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, không lập hợp đồng mua bán, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc mua bán. Bị cáo T dùng chiếc xe làm phương tiện để phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của bộ luật Hình sự quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nhận lại xe của bà Thạch Thị L.

[11] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[13] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 01 (một) năm tù.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù của tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm tù của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo Phạm Đức T chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2021.

4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha loại Exciter biển số: 59Y2-812.82, số khung: RLCUG0610FY173823, số máy: G3D4E186730.

(Vật chứng đang lưu tại kho vật chứng của Công an huyện Củ Chi theo Phiếu nhập kho vật chứng số 97/PNK ngày 28/4/2021).

5. Áp dụng Điều 584 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Phạm Đức T bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, bị cáo T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải chịu 787.500 (bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Đương sự (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (06);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Sơn Hà